TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** TỈNH NGHỆ AN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120 /2023/HS-ST
Ngày 28 – 12 – 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Hà.
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Đương.
- Ông Trần Văn Luyện.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trần Thị Thùy Dung – Thẩm tra viên, Toà án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Công Hợi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 113/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2023,

Đối với bị cáo: **Lê Văn H,** sinh ngày 10/6/197x tại huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Nơi thường trú: xóm X, xã HS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 2/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Văn T và bà Đặng Thị Ch. Có vợ là Nguyễn Thị Ph và có 01 con. Tiền án: Không. Tiền sự: Ngày 06/01/2023, bị Trưởng công an huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 06/QĐ-XPHC với hình thức phạt tiền 400.000 (Bốn trăm nghìn) đồng về hành vi "Vô ý gây thương tích cho người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự"; phạt tiền 6.500.000 (Sáu triệu, năm trăm nghìn) đồng về hành vi "Cố ý gây thương tích cho người khác nhưng không bị truy cứ trách nhiệm hình sự". Đã nộp xong tiền phạt ngày 13/02/2023.

Nhân thân: + Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2011/HSST ngày 29/4/2011 của Tòa án nhân dân huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 04 (Bốn) tháng 07 (Bảy) ngày tù về tội "Đánh bạc", Chấp hành xong bản án ngày 01/8/2017.

+ Ngày 29/12/2017 bị Trưởng công an huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 237/CAĐL với hình thực phạt tiền 2.500.000 (Hai triệu, năm trăm nghìn) đồng về hành vi "Xâm hại sức khỏe của người khác". Đã nộp xong tiền phạt ngày 06/4/2018.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/9/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* 1. Chị Đặng Thị Y. Sinh năm 198x. Địa chỉ xóm A, xã HS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông Nguyễn Xuân Ch. Sinh năm 196x. Địa chỉ xóm B, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Ông Nguyễn Văn H - Sinh năm 197x và bà Lê Thị L – sinh năm 197x. Đều có địa chỉ xóm C, xã HS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Đều vắng mặt tại phiên tòa.

4. Chị Nguyễn Thị H. Sinh năm 198x. Địa chỉ xóm D, xã ĐS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

5. Chị Nguyễn Thị H1. Sinh năm 198x. Địa chỉ xóm Đ, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

6. Bà Nguyễn Thị Th. Sinh năm 197x. Địa chỉ xóm G, xã HS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:* 1 Chị Nguyễn Thị H. Sinh năm 200x. Địa chỉ xóm H, xã HS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bà Nguyễn Thị Ph. Sinh năm 196x. Địa chỉ xóm X, xã HS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

3. Anh Lê Văn T. Sinh năm 199x. Địa chỉ xóm X, xã HS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Từ ngày 10/5/2022 đến 13/09/2023 Lê Văn H (Sinh ngày 10/6/197x. Trú tại xóm X, xã HS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An) đã thực hiện các hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với các cá nhân cụ thể như sau:

1. Giao dịch với chị Đặng Thị Y (Sinh năm 198x. Trú tại xóm A, xã HS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An):

Do có mối quan hệ quen biết từ trước, khi cần tiền để lo công việc chị Đặng Thị Y đã nhiều lần vay tiền của bị can Lê Văn H. Cụ thể như sau:

Khế vay thứ nhất: Ngày 11/3/2022, chị Y đến nhà gặp và vay của H số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). H đồng ý và thống nhất lãi suất với chị Y là 5.000đ/1 triệu/1 ngày đến khi trả hết nợ gốc, tương ứng với lãi suất 182,5%/năm. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật dân sự 2015 (20%) là 9,13 lần. H yêu cầu chị Y viết giấy vay nợ và đưa cho chị Y số tiền mặt là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Ngày 12/3/2022, chị Y sử dụng số điện thoại 0383.081.868 gọi điện đến số 0912059747 của H đang được lắp trong chiếc điện thoại Samsung loại Galaxy A34 5G màu đen để trả cho H số tiền gốc 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền lãi. Do không có tài khoản ngân hàng nên H yêu cầu chị Y chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của con trai là Lê Văn T (sinh ngày 26/10/199x, trú tại xóm X, xã HS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An). Chị Y sử dụng tài khoản ngân hàng Agribank có số 3603215011875 của chị Y chuyển số tiền trên vào tài khoản ngân hàng Vietcombank có số 1015516341 của Lê Văn T.

Tính đến ngày 12/03/2022 thời hạn của khoản vay là 02 ngày, số tiền lãi mà anh chị Y phải trả cho H là: 5.000đ/1.000.000đ x 200.000.000đ x 2 ngày = 2.000.000đ (hai triệu đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 2.000.000đ – (200.000.000đ

x 2 ngày x 20%/365 ngày) = **1.780.822đ (Một triệu, bảy trăm, tám mươi nghìn, tám trăm hai mươi hai đồng).**

Khế vay thứ hai: Cùng cách thức thỏa thuận và lãi suất như khế vay thứ nhất, ngày 14/3/2022, chị Y tiếp tục đến nhà gặp và vay của H số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Do không có sẵn tiền mặt, nên H nhờ con trai là Lê Văn T chuyển số tiền trên cho chị Y và không nói cho T biết nội dung của việc chuyển tiền. Tuấn sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu bạc có cài đặt app có tên VCB Digibank của ngân hàng Vietcombank có chứa tài khoản số 1015516341 mang tên "LE VAN TUAN" để chuyển số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) vào số tài khoản 3603215011875 ngân hàng Agiribank của chị Y.

Ngày 15/3/2022, chị Y gọi điện thoại cho H để trả số tiền gốc 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền lãi. Theo yêu cầu H, chị Y chuyển khoản vào tài khoản của T như đã nêu ở trên.

Tính đến ngày 15/03/2022 thời hạn của khoản vay là 02 ngày, số tiền lãi mà anh chị Y phải trả cho H là: 5.000đ/1.000.000đ x 300.000.000đ x 2 ngày = 3.000.000đ (ba triệu đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 3.000.000đ – (300.000.000đ x 2 ngày x 20%/365 ngày) = **2.671.233đ (Hai triệu, sáu trăm, bảy mươi mốt nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng).**

Khế vay thứ ba: Vào ngày 18/03/2022, với cách thức và thỏa thuận như các khế vay trước chị Y tiếp tục đến nhà gặp và vay của H số tiền 470.000.0000đ (Bốn trăm bảy mươi triệu đồng). Do không có sẵn tiền mặt nên H tiếp tục nhờ con trai là T chuyển tiền cho chị Y. T sử dụng cách thức như ở khế vay thứ hai để chuyển tiền cho chị Y.

Ngày 26/3/2022, chị Đặng Thị Y chuyển khoản trả cho H 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) tiền lãi thông qua tài khoản ngân hàng của T theo yêu cầu của H. Đến ngày 02/04/2022, chị Y chuyển khoản trả cho H 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng) tiền nợ gốc thông qua tài khoản ngân hàng của Ttheo yêu cầu của H. Tính đến ngày 02/04/2022 thời hạn của khoản vay là 16 ngày, số tiền lãi chị Y phải trả cho H là: 5.000đ/1.000.000đ x 470.000.000đ x 16 ngày = 37.600.000đ (Ba mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 37.600.000đ – (470.000.000đ x 16 ngày x 20%/365 ngày) = 33.479.452đ (Ba mươi ba triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi hai đồng).

Từ ngày 02/04/2022 chị Y chỉ còn nợ H 330.000.000đ (ba trăm ba mươi triệu đồng) tiền nợ gốc. Ngày 04/04/2022, chị Y chuyển khoản trả cho H 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi thông qua tài khoản ngân hàng của T theo yêu cầu của H. Ngày 14/04/2022, chị Y tiếp tục chuyển khoản trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền lãi cho H thông qua tài khoản ngân hàng của T theo yêu cầu của H. Ngày 15/04/2022, chị Y tiếp tục chuyển khoản trả cho H 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) tiền nợ gốc thông qua tài khoản ngân hàng của T theo yêu cầu của H. Tính đến ngày 15/04/2022 thời hạn của khoản vay là 13 ngày, số tiền lãi chị Y phải trả cho H là: 5.000đ/1.000.000đ x 330.000.000đ x 13 ngày = 21.450.000đ (Hai mươi mốt triệu, bốn trăm, năm mươi nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 21.450.000đ – (330.000.000đ x 13 ngày x 20%/365 ngày) = 19.099.315đ (Mười chín triệu, không trăm, chín mươi chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng).

Từ ngày 16/04/2022 chị Y chỉ còn nợ H 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng). Ngày 26/04/2022, chị Y chuyển khoản trả 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) tiền lãi cho H thông qua tài khoản ngân hàng của T theo yêu cầu của H. Đến ngày 27/04/2022 chị Y đến nhà và chuyển khoản cho H số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) thông qua tài khoản ngân hàng của T theo yêu cầu của H. Trong đó: 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng) là tiền nợ gốc chị Y trả cho H và 17.350.000đ (mười bảy triệu, ba trăm, năm mươi nghìn đồng) là tiền lãi còn lại. Còn số tiền 152.650.000đ (Một trăm năm mươi hai triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) còn thừa thì H đưa tiền mặt cho Y. Tính đến ngày 27/04/2022 thời hạn của khoản vay là 12 ngày, số tiền lãi chị Y phải trả cho H là: 5.000đ/1.000.000đ x 130.000.000đ x 12 ngày = 7.800.000đ (bảy triệu, tám trăm nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 7.800.000đ – (130.000.000đ x 12 ngày x 20%/365 ngày) = 6.945.205đ (Sáu triệu, chín trăm, bốn mươi lăm nghìn, hai trăm linh năm đồng).

Như vậy tại khế vay này số tiền H đã thu lợi bất chính là: 33.479.452đ + 19.099.315đ + 6.945.205đ = **59.523.973đ (Năm mươi chín triệu, năm trăm, hai mươi ba nghìn, chín trăm bảy mươi ba đồng).**

Khế vay thứ tư: Ngày 17/5/2022, chị Đặng Thị Y đến nhà gặp và vay của H số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). H đồng ý và thống nhất lãi suất với chị Y là 4.000đ/triệu/ngày đến khi trả hết nợ gốc, tương ứng với lãi suất 146%/năm. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật dân sự 2015 (20%) là 7,3 lần. Sau đó H yêu cầu chị Y viết giấy nợ. Do không có tiền mặt nên H nhờ con trai là Lê Văn T chuyển khoản cho Y vay. T sử dụng cách thức như khế vay thứ hai để chuyển tiền cho chị Y.

Ngày 30/5/2022, chị Y chuyển khoản trả cho H 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) tiền nợ gốc và 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng) tiền lãi thông qua tài khoản ngân hàng của Tuấn theo yêu cầu của H.

Tính đến ngày 30/05/2022 thời hạn của khoản vay là 13 ngày, số tiền lãi mà anh chị Y phải trả cho H là: 4.000đ/1.000.000đ x 500.000.000đ x 13 ngày = 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng). Số tiền thu lợi bất chính = 26.000.000đ – (500.000.000đ x 13 ngày x 20%/365 ngày) = **22.438.357đ (Hai mươi hai triệu, bốn trăm, ba mươi tám nghìn, ba trăm năm mươi bảy đồng).**

Khế vay thứ năm: Ngày 07/6/2022, chị Y đến nhà gặp và vay của H số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng), cùng cách thức, thỏa thuận như khế vay thứ tư. Do không có tiền mặt nên H nhờ T chuyển khoản cho chị Y vay. T sử dụng cách thức như khế vay thứ hai để chuyển tiền cho chị Y. Ngày 10/6/2022, chị Y chuyển khoản trả cho H 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền lãi thông qua tài khoản ngân hàng của T theo yêu cầu của H.

Như vậy tại khế vay này chị Y còn đang nợ H 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) tiền vay gốc.

+ Khế vay thứ sáu: Ngày 13/6/2022, chị Y tiếp tục đến nhà H để vay thêm số tiền 370.000.0000đ (ba trăm bảy mươi triệu đồng) với cách thức và thỏa thuận như kế vay thứ tư, H với chị Y thống nhất cộng 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) tiền vay gốc ở khế vay thứ năm vào khế vay thứ sáu để tính lãi cho thuận tiện, như vậy tại thời điểm này tổng số tiền chị Y đang vay của H là 540.000.000đ (năm trăm bốn mươi triệu đồng). Sau đó H yêu cầu chị Y viết giấy

vay nợ mới với nội dung chị Y vay 540.000.000đ (năm trăm bốn mươi triệu đồng) và nhờ Lê Văn T chuyển tiền cho chị Y vay. T sử dụng cách thức như kế vay thứ hai để chuyển tiền cho chị Y. Đến ngày 20/6/2022 chị Y chuyển khoản trả cho H 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) tiền nợ gốc và 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) tiền lãi thông qua tài khoản ngân hàng của T theo yêu cầu của H. Trong 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) thì chị Y trả 170.000.0000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) tiền nợ gốc ở khế vay thứ năm và số tiền 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng) còn lại chị Y trả tiền nợ gốc cho khế vay thứ sáu. Như vậy, đối với khế vay thứ năm chị Y đã trả cho H hết số tiền nợ gốc, còn khế vay thứ sáu chị Y còn nợ H 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng) tiền vay gốc. Ngày 25/06/2022 chị Y trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền lãi cho H thông qua tài khoản ngân hàng của T theo yêu cầu của H.

Như vậy tính đến ngày 20/06/2022, thời hạn của khế vay thứ năm là 14 ngày, số tiền lãi chị Y phải trả cho H là: 4.000đ/1.000.000đ x 170.000.000đ x 14 ngày = 9.520.000đ (Chín triệu, năm trăm, hai mươi nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 9.520.000đ – (170.000.000đ x 14 ngày x 20%/365 ngày) = **8.215.890đ (Tám triệu, hai trăm, mười lăm nghìn, tám trăm chín mươi đồng).**

Tính đến 20/06/2022, thời hạn của khế vay thứ sáu là 08 ngày, số tiền lãi chị Y phải trả cho H là: 4.000đ/1.000.000đ x 370.000.000đ x 8 ngày = 11.840.000đ (mười một triệu tám trăm bốn mươi nghìn). Số tiền thu lợi bất chính là 11.840.000đ – (370.000.000đ x 8 ngày x 20%/365 ngày) = **10.218.082đ (Mười triệu, hai trăm, mười tám nghìn, không trăm tám mươi hai đồng).**

Khế vay thứ bảy: Ngày 27/06/2022 chị Y đến nhà và tiếp tục vay của H số tiền 119.000.000đ (một trăm mười chín triệu đồng), với cách thức và thỏa thuận như ở khế vay thứ tư. Như vậy tại thời điểm này tổng số tiền gốc chị Y đang vay của H 259.000.0000đ (hai trăm năm mươi chín triệu đồng). Ngày 30/06/2022, chị Y chuyển khoản trả cho H 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) tiền nợ gốc thông qua tài khoản ngân hàng của T theo yêu cầu của H. Số tiền này chị Y trả tiền còn nợ gốc ở khế thứ sáu cho H. Như vậy tính đến ngày 30/06/2022 chị Y còn nợ H 139.000.0000đ (một trăm ba mươi chín triệu đồng) tiền nợ gốc, trong đó 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền nợ gốc của khế vay thứ sáu và 119.000.000đ (một trăm mười chín triệu đồng) của khế vay thứ bảy. Ngày 01/07/2022 chị Y chuyển khoản trả cho H 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền lãi thông qua tài khoản ngân hàng của T theo yêu cầu của H.

Tính đến ngày 30/06/2022 thời hạn của khoản vay còn lại của khế thứ sáu là 10 ngày (tính từ ngày 21/06/2022), số tiền lãi chị Y phải trả cho H là: 4.000đ/1.000.000đ x 140.000.000đ x 10 ngày = 5.600.000đ (Năm triệu, sáu trăm nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 5.600.000đ – (140.000.000đ x 10 ngày x 20%/365 ngày) = **4.832.877đ (Bốn triệu, tám trăm, ba mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi bảy đồng).**

+ Khế vay thứ tám: Ngày 02/07/2022, chị Y tiếp tục đến nhà và vay thêm của H 499.000.000đ (bốn trăm chín mươi chín triệu đồng), với cách thức và thỏa thuận như ở khế vay thứ tư. Như vậy tại thời điểm này tổng số tiền chị Y đang vay của H là 638.000.000đ (sáu trăm ba mươi tám triệu đồng). Ngày 08/07/2022, chị Y chuyển khoản trả cho H 17.500.000đ (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi thông qua tài khoản ngân hàng của Tuấn theo yêu cầu của H. Ngày

16/07/2022 chị Y tiếp tục chuyển khoản trả cho H 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng) tiền lãi thông qua tài khoản ngân hàng của T theo yêu cầu của H. Đến ngày 25/8/2022 chị Y chuyển khoản cho H 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) tiền nợ gốc thông qua tài khoản ngân hàng của T theo yêu cầu của H và chị Y xin H không phải đóng tiền lãi đối với khoản nợ còn lại và được H đồng ý.

Như vậy tính đến ngày 25/08/2022 thời hạn của khoản vay còn lại của khế vay thứ sáu là 56 ngày (tính từ ngày 01/07/2022), số tiền lãi chị Y phải trả cho Hlà: 4.000đ/1.000.000đ x 20.000.000đ x 56 ngày = 4.480.000đ (Bốn triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 4.480.000đ – (20.000.000đ x 56 ngày x 20%/365 ngày) = 3.866.301đ (Ba triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm linh một đồng).

Thời hạn của khoản vay của khế thứ bảy là 60 ngày, số tiền lãi chị Y phải trả cho H là: 4.000đ/1.000.000đ x 119.000.000đ x 60 ngày = 28.560.000đ (Hai mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 28.560.000đ – (119.000.000đ x 60 ngày x 20%/365 ngày) = **24.647.671đ (Hai mươi bốn triệu, sáu trăm, bốn mươi bảy nghìn, sáu trăm bảy mươi mốt đồng).**

Thời hạn của khoản vay của khế thứ tám là 55 ngày, số tiền lãi chị Y phải trả cho H là: 4.000đ/1.000.000đ x 499.000.000đ x 55 ngày = 109.780.000đ (Một trăm linh chín triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 109.780.000đ – (499.000.000đ x 55 ngày x 20%/365 ngày) = **94.741.644đ (Chín mươi bốn triệu, bảy trăm bốn mươi mốt nghìn, sáu trăm bốn mươi bốn đồng).**

Ngày 19/9/2022 chị Y chuyển khoản trả cho H 84.500.000đ (tám mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi thông qua tài khoản ngân hàng của Tuấn theo yêu cầu của H. Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2022 đến tháng 2/2023 chị Y đã đến nhà và trả cho H 438.000.000đ (bốn trăm ba mươi tám triệu đồng) tiền nợ gốc và 39.480.000đ (ba mươi chín triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) tiền lãi còn lại.

Như vậy, đối với khế vay thứ nhất H đã thu lợi bất chính 1.780.822đ (Một triệu, bảy trăm, tám mươi nghìn, tám trăm hai mươi hai đồng); Khế vay thứ hai H đã thu lợi bất chính 2.671.233đ (Hai triệu, sáu trăm, bảy mươi mốt nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng); Khế vay thứ ba H đã thu lợi bất chính 59.523.973đ (Năm mươi chín triệu, năm trăm, hai mươi ba nghìn, chín trăm bảy mươi ba đồng); Khế vay thứ tư H đã thu lợi bất chính 22.438.357đ (Hai mươi hai triệu, bốn trăm, ba mươi tám nghìn, ba trăm năm mươi bảy đồng); Khế vay thứ năm H đã thu lợi bất chính 8.215.890 (Tám triệu, hai trăm, mười lăm nghìn, tám trăm chín mươi đồng); Khế vay thứ sáu H đã thu lợi bất chính 18.917.260đ (Mười tám triệu, chín trăm, mười bảy nghìn, hai trăm sáu mươi đồng); Khế vay thứ bảy H đã thu lợi bất chính 24.647.671(Hai mươi bốn triệu, sáu trăm, bốn mươi bảy nghìn, sáu trăm bảy mươi mốt đồng); Khế vay thứ tám H đã thu lợi bất chính 94.741.644đ (Chín mươi bốn triệu, bảy trăm, bốn mươi mốt nghìn, sáu trăm bốn mươi bốn đồng).

Tuy nhiên đối với khế vay thứ nhất, thứ hai, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy số tiền thu lợi bất chính đối với từng khế chưa đủ 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và các khế vay này đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, vì vậy số tiền thu lợi bất chính của 6 khế vay này không tính để truy cứu trách nhiệm hình

sự. Như vậy thông qua khế vay thứ ba và thứ tám H đã thu lợi bất chính với tổng số tiền là: **59.523.973 đồng + 94.741.644 đồng = 154.265.617 đồng** (Một trăm năm mươi bốn triệu, hai trăm sáu mươi lăm nghìn, sáu trăm mười bảy đồng).

2. Giao dịch với ông Nguyễn Xuân Ch (Sinh năm 196x. Trú tại xóm B, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An):

Vào ngày 10/5/2022, do thiếu tiền cho con nộp học phí nên ông Nguyễn Xuân Ch đến nhà của H gặp và vay của H số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). H và ông Ch thống nhất lãi suất vay là 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày đến khi trả hết nợ gốc, lãi suất trả theo tháng, mỗi tháng được tính bằng 30 ngày, tương ứng với lãi suất 180%/năm. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật dân sự 2015 (20%) là 9 lần. H không yêu cầu ông Ch viết giấy vay nợ và đưa cho ông Ch 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), sau khi ông Ch đi về H nhờ con dâu là Nguyễn Thị H (sinh năm 200x. Trú tại xóm X, xã HS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An) ghi vào sổ ô ly với nội dung "10/5/2022 Châu Nghểnh 20 triệu: 20.000.000; 0976073525" để ghi nhớ số nợ. Đến ngày 10/02/2023 ông Ch đã trả hết số tiền gốc và tiền lãi cho H. Tính đến ngày 10/02/2023 thời hạn của khoản vay là 09 tháng = 270 ngày, số tiền lãi mà ông Ch phải trả cho H là: 5.000đ/1.000.000đ x 20.000.000đ x 270 ngày = 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 27.000.000đ – (20.000.000đ x 270 ngày x 20%/360 ngày) = **24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng)**

3. Giao dịch với vợ chồng ông Nguyễn Văn H (Sinh năm 197x) và bà Lê Thị L (Sinh năm 197x), cùng trú tại xóm C, xã HS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An:

Ngày 20/02/2023, do cần tiền để đảo khế vay ngân hàng, ông H và bà L đã đến nhà gặp H để vay 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), với kỳ hạn từ 3 đến 5 ngày. H và vợ chồng ông H, bà L thống nhất lãi suất vay là 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày. H yêu cầu ông H, bà L viết giấy vay nợ và đưa 100.000.000đồng tiền mặt cho ông H bà L. Tuy nhiên, sau khi trả khoản vay ngân hàng thì ngân hàng không cho vợ chồng ông H, bà L tiếp tục vay, vì vậy cùng ngày ông H bà L quay lại xin gia hạn khoản vay lên một tháng. Đến ngày 01/04/2023 bà L đến nhà H và trả cho H 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng) tiền vay gốc, sau đó H nhờ vợ là Nguyễn Thị Ph viết vào sổ và bà L ký xác nhận vào. Đến ngày 10/04/2023 bà L lại đến nhà và trả cho H 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) tiền vay gốc, H tiếp tục nhờ bà Ph viết vào sổ và yêu cầu Lan ký xác nhận vào. Do bà L không trả hết số tiền đã vay trong một lần nên H với bà L thống nhất đối với 72.000.000đ (bảy mươi hai triệu đồng) tiền vay gốc mà bà L đã trả cho H, H sẽ tính lãi suất 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng), tính từ ngày 20/02/2023 đến ngày 10/04/2023 (khế vay thứ nhất). Tính đến ngày 10/04/2023 thời hạn của khoản vay là 50 ngày. Tương ứng với lãi suất 3.889đ/1 triệu/1 ngày, tức là 141,9%/năm. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật dân sự 2015 (20%) là 7,1 lần. Số tiền thu lợi bất chính là 14.000.000đ – (72.000.000đ x 50 ngày x 20%/365 ngày) = 12,027,397đ (mười hai triệu, không trăm, hai mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi bảy đồng).

Đối với 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng) tiền vay gốc còn lại H và bà L, ông H sẽ tính lãi suất 2.700.000đ/1 tháng tính từ ngày 20/02/2023, mỗi tháng được tính bằng 30 ngày cho đến khi trả hết nợ gốc (khế vay thứ hai). Ngày 23/7/2023 bà L đến nhà và trả cho H hết số tiền gốc và lãi. Tính đến ngày 23/7/2023 thời hạn của khoản vay là 5 tháng = 150 ngày, bà L đã đóng cho H 5 tháng tiền lãi

tương ứng với 13.500.000đ (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng), tương ứng với lãi suất 3.214đ/1 triệu/1 ngày tức là 112,7%/năm. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật dân sự 2015 (20%) là 5,64 lần. Số tiền thu lợi bất chính là 13.500.000đ – (28.000.000đ x 150 ngày x 20%/360 ngày) = 11.166.667đ (mười một triệu, một trăm, sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng)

Như vậy từ ngày 20/02/2023 thông qua 02 giao dịch dân sự H đã cho vợ chồng ông H, bà L vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), thu lợi bất chính số tiền là 12.027.397đ + 11.166.667đ = **23.194.064đ (hai mươi ba triệu, một trăm, chín mươi tư nghìn, không trăm sáu mươi bốn đồng)**.

4. Giao dịch với chị Nguyễn Thị H (Sinh năm 198x. Trú tại xóm D, xã ĐS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An) và chị Nguyễn Thị H1 (Sinh năm 198x. Trú tại xóm Đ, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An).

Khế vay thứ nhất: Vào ngày 06/7/2023, chị H cùng em gái là H1 đến nhà của H gặp và vay của H số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). H và chị H, chị H1 thống nhất lãi suất vay là 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày đến khi trả hết nợ gốc, lãi suất trả theo tháng, mỗi tháng được tính bằng 30 ngày, tương ứng với lãi suất 108%/năm. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật dân sự 2015 (20%) là 5,4 lần. H yêu cầu chị H1 viết giấy vay nợ và đưa cho H1 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Tính đến ngày 13/9/2023, thời hạn khoản vay là 2 tháng 7 ngày= 67 ngày, số tiền lãi mà anh chị H và H1 phải trả cho H là: 3.000đ x 50.000.000đ x 67 ngày = 10.050.000đ (Mười triệu, không trăm, năm mươi nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 10.050.000đ – (50.000.000đ x 67 ngày x 20%/360 ngày) = **8.188.889đ (Tám triệu, một trăm, tám mươi tám nghìn, tám trăm tám mươi chín đồng).**

Ngày 06/8/2023 chị H1 và chị H đến trả cho H 1 tháng tiền lãi là 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính mà H thực tế đã thu là 4.500.000đ – (50.000.000đ x 30 ngày x 20%/360 ngày) = **3.666.667đ (ba triệu, sáu trăm, sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).**

Khế vay thứ hai: Vào ngày 16/7/2023, với cách thức và thỏa thuận như khế vay thứ nhất chị H và chị H1 đến nhà gặp và vay của H 61.000.000đ (sáu mươi mốt triệu đồng) với kỳ hạn 1 tháng. Đến ngày 19/7/2023 chị H và chị H1 đến nhà và trả cho H 21.000.0000đ (hai mươi mốt triệu đồng) tiền gốc của khế thứ hai. H thỏa thuận chị H và chị H1 sẽ không tính lãi đối với 03 ngày đã vay của khoản tiền 61.000.000đ (sáu mươi mốt triệu đồng) mà chỉ tính lãi với số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) tiền vay gốc còn lại tính từ ngày 19/07/2023 với lãi suất như đã thuận trước đó. Tính đến ngày 13/9/ 2023, thời hạn khoản vay là 1 tháng 24 ngày= 54 ngày, số tiền lãi mà chị H và chị H1 phải trả cho H là: 3.000đ x 40 x 54 ngày = 6.480.000đ (sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 6.480.000đ – (40.000.000đ x 54 ngày x 20%/360 ngày) = **5.280.000đ (năm triệu, hai trăm, tám mươi nghìn đồng).**

Ngày 19/8/2023 chị H1 và chị H đến trả cho H 1 tháng tiền lãi là 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính mà H thực tế đã thu là 3.600.000đ – (40.000.000đ x 30 ngày x 20%/360 ngày) = **2.933.333đ (hai triệu, chín trăm, ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).**

Như vậy từ ngày 06/07/2023 thông qua 02 giao dịch dân sự H đã cho chị H và chị H1 vay số tiền 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng), thu lợi bất chính số tiền

13.468.889đ (mười ba triệu, bốn trăm, sáu mươi tám nghìn, tám trăm tám mươi chín đồng), số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu là **6.600.000đ (sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng)**. Sau khi H bị bắt, chị H đã đến và trả hết số tiền nợ gốc là 90.000.0000đ (Chín mươi triệu đồng).

5. Giao dịch với bà Nguyễn Thị Th (Sinh năm 197x. Trú tại xóm G, xã HS, huyện ĐL, Nghệ An:

Vào ngày 07/07/2023, bà Nguyễn Thị Th đến nhà gặp và vay của H 10.000.000đ (mười triệu đồng). H đồng ý và yêu cầu bà Th viết giấy vay nợ. H và bà Th thống nhất lãi suất vay là 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày đến khi trả hết nợ gốc, lãi suất trả theo tháng, mỗi tháng được tính = 30 ngày, tương ứng với lãi suất 108%/năm. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật dân sự 2015 (20%) là 5,4 lần. Ngày 07/09/2023 bà Th đến nhà và trả cho H 02 tháng tiền lãi tương ứng số tiền 1.800.000đ (Một triệu tám nghìn đồng). Đến ngày 09/09/2023 Bà Th đã trả số tiền vay gốc là 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho H.

Tính đến ngày 09/09/2023, thời hạn khoản vay là 2 tháng 2 ngày = 62 ngày, tuy nhiên đối với 2 ngày sau H không tính lãi, vì vậy thời hạn của khoản vay là 60 ngày; bà Th phải trả cho Lê Văn H số tiền lãi là: 3.000đ/1.000.000đ x 10.000.000đ x 60 ngày = 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 1.800.000đ - (10.000.000đ x 60 ngày x 20%/360 ngày) = **1.466.667đ (một triệu, bốn trăm, sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).**

Trong quá trình điều tra H còn khai nhận trong khoảng thời gian từ tháng 6/2021 đến tháng 6/2023 H còn cho những người sau vay tiền có lãi suất, cụ thể:

- Ngày 09/6/2021 (tức ngày 29/4/2021 âm lịch), H đã cho anh Trần Đăng Đ, sinh năm 196x, trú tại xóm LT, xã HS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) với lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, ngày đến khi trả hết nợ gốc, lãi suất trả theo tháng, mỗi tháng được tính = 30 ngày, tương ứng với lãi suất 108%/năm. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật dân sự 2015 (20%) là 5,4 lần. Đến ngày 20/02/2022 (20/01/2022 âm lịch), anh Đ đã trả cho H hết 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền vay gốc và 09 tháng tiền lãi tương ứng với số tiền 8.100.000đ (Tám triệu một trăm nghìn đồng) tiền lãi.

- Ngày 01/9/2021(tức ngày 25/7/2021 âm lịch), H đã cho anh Trần Đăng T, sinh năm 1976, trú tại xóm VĐ, xã HS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An vay số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) với lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, ngày đến khi trả hết nợ gốc, lãi suất trả theo tháng, mỗi tháng được tính = 30 ngày, tương ứng với lãi suất 108%/năm. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật dân sự 2015 (20%) là 5,4 lần. Đến ngày 25/4/2022 (25/3/2022 âm lịch) anh T đã trả hết cho H 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) tiền vay gốc và 08 tháng tiền lãi tương ứng với số tiền 10.800.000đ (Mười triệu tám trăm nghìn đồng).

- Ngày 12/6/2022, H đã cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 196x, trú tại xóm LT, xã HS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An vay 02 lần với số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) với lãi suất 2.000đ/triệu/ngày đến khi trả hết nợ gốc, tương ứng với lãi suất 72%/năm. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật dân sự 2015 (20%) là 3,6 lần. Đến ngày 16/06/2022 chị H đã trả hết cho H 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) tiền vay gốc và 05 ngày lãi tương ứng với số tiền 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Ngày 22/06/2023, H đã cho anh Nguyễn Quang H, sinh năm 197x, trú tại xóm LT, xã HS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với lãi suất 2.000đ/triệu/ngày, đến khi trả hết nợ gốc, lãi suất trả theo tháng, mỗi tháng được tính = 30 ngày, tương ứng với lãi suất 72%/năm. Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật dân sự 2015 (20%) là 3,6 lần. Đến ngày 22/07/2023, anh H đã đến trả cho H 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và 1.200.000đ tiền lãi. Tính đến ngày 22/07/2023, thời hạn khoản vay là 1 tháng = 30 ngày, anh H phải trả cho Lê Văn H số tiền lãi là: 2.000đ x 20 x 30 ngày = 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính = 1.200.000đ – (20.000.000đ x 30 ngày x 20%/360 ngày) = 866,667 (Tám trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Như vậy, từ ngày 18/03/2022 đến ngày 13/09/2023, Lê Văn H cho 07 người vay tiền với lãi suất vượt quá mức quy định của Bộ luật dân sự từ 5,4 đến 9,13 lần với tổng số tiền cho vay = 969.000.000đ (khế vay thứ ba và thứ tám của chị Y) + 20.000.000đ (Khế vay của ông Ch) +100.000.000đ (Hai khế vay của vợ chồng bà L, ông H) + 90.000.000đ (Hai khế vay của chị H, chị H1) + 10.000.000đ (Khế vay của bà Th) = **1.189.000.000**đ (Một tỷ, một trăm tám mươi chín triệu đồng) từ đó thu lợi bất chính tổng số tiền là 154.265.616đ (tiền thu lợi bất chính ở khế vay thứ ba và thứ tám đối với chị Y) + 24.000.000đ (tiền thu lợi bất chính đối khế vay của ông Ch) + 23.194.064đ (tiền thu lợi bất chính đối với 02 khế vay của vợ chồng bà L, ông H) + 13.468.889đ (tiền thu lợi bất chính đối với 02 khế vay của chị H và chị H1) + 1.466.667đ (tiền thu lợi bất chính đối với khế vay của bà Th) = 216.395.236đ (Hai trăm mười sáu triệu, ba trăm, chín mươi lăm nghìn, hai trăm ba mươi sáu đồng).

Số tiền thu lợi bất chính mà Lê Văn H thực tế đã thu là 154.265.616đ (đã thu đối với khế vay thứ ba và thứ tám của chị Y) + 24.000.000đ (đã thu đối với khế vay của ông Ch) + 23.194.064đ (đã thu đối với 02 khế vay của vợ chồng bà L, ông H) + 6.600.000đ (đã thu đối với 02 khế vay của chị H, chị H1) + 1.466.667đ (đã thu đối với khế vay của bà Th) = 209.526.347 (Hai trăm linh chín triệu, năm trăm, hai mươi sáu nghìn, ba trăm bốn mươi bảy đồng)

Với nội dung trên, Cáo trạng số 121/CT-VKS-HS ngày 28/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An quyết định truy tố Lê Văn H về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phần tranh luận: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An giữ nguyên Cáo trạng, quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn H mức án từ 09 (Chín) tháng tù đến 12 (Mười hai) tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo Lê Văn H.

Truy thu từ bị cáo Lê Văn H số tiền gốc cho vay **1.189.000.000**đ (Một tỷ, một trăm tám mươi chín triệu đồng) và số tiền lãi suất trong hạn 20% theo quy định Bộ luật dân sự mà bị cáo thu từ những người vay tiền là 31.503.653đ (Ba mươi mốt triệu, năm trăm linh ba nghìn, sáu trăm năm muôi ba đồng).

Xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo Lê Văn H không có ý kiến tranh luận; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử thấy rằng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã trình bày ý kiến đầy đủ trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên toà không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn H thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố, Hội đồng xét xử thấy rằng lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra. Do đó có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 18/03/2022 đến ngày 13/9/2023, tại nhà ở Lê Văn H tại xóm X, xã HS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An, thông qua 08 giao dịch dân sự cho 07 cá nhân gồm chị Đặng Thị Y, ông Nguyễn Xuân Ch, ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị L, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H1 và bà Nguyễn Thị Th vay tổng số tiền **1.189.000.000**đ (Một tỷ, một trăm tám mươi chín triệu đồng) với lãi suất thỏa thuận từ 108%/năm đến 240%/năm vượt quá 5 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội với tổng số tiền 216.395.236đ (Hai trăm mười sáu triệu, ba trăm, chín mươi lăm nghìn, hai trăm ba mươi sáu đồng).

Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Văn H đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy rằng vụ án có tính chất ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của bị cáo là lợi dụng việc người vay tiền có nhu cầu vay tiền để trục lợi thông qua việc cho vay với lãi suất cao. Do đó cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Bị cáo 02 lần cho vay lãi suất cao và thu lợi trên 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng nên vi phạm tình tiết tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo đã tác động gia đình trả lại toàn bộ tiền thu lợi bất chính cho chị Đặng Thị Y, ông Nguyễn Xuân Ch, ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị L và những người này có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo – đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các vấn đề khác: Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng xét bị cáo có nhân thân xấu, có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội như mức đề nghị về hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương là phù hợp.

Đối với số tiền **1.189.000.000**đ (Một tỷ, một trăm tám mươi chín triệu đồng) là tiền bị cáo dùng thực hiện tội phạm và những người vay tiền đã trả lại cho bị cáo nên cần truy thu từ bị cáo Lê Văn H số tiền này để sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền lãi bất chính mà bị cáo thu từ chị Đặng Thị Y, ông Nguyễn Xuân Ch, ông Nguyễn Văn H – bà Lê Thị L đã được trả lại cho những người này nên Hội đồng xét xử không truy thu số tiền này. Đối với số tiền lãi bất chính mà bị cáo thu từ chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Th do chị Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Th không có yêu cầu gì và trong quá trình điều tra chị Nguyễn Thị H1 đi khỏi địa phương nên không thu thập được lời khai đối với vấn đề yêu cầu trả lại tiền thu lợi bất chính vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Nguyễn Thị H, Chị Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Th có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác đối với tiền thu lợi bất chính mà bị cáo Lê Văn H đã thu.

Đối với số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%) mà bị cáo đã thu từ những người vay tiền là tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội mà có nên cần truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền này từ bị cáo là 31.503.653đ (Ba mươi mốt triệu, năm trăm linh ba nghìn, sáu trăm năm mươi ba đồng).

Xét bị cáo bị truy thu số tiền lớn, bản thân bị cáo là lao động tự do thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy A34 mà bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu (hóa giá) sung ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật.

Đối với thẻ ngân hàng Vietcombank số 1015516341 mang tên Lê Văn T sử dụng để nhận tiền chuyển khoản nhưng ông Lê Văn T không biết việc giao dịch cho vay lãi nặng nên trả lại cho ông Lê Văn T.

Đối với 12 (Mười hai) tờ giấy thu giữ trong quá trình điều tra: Hội đồng xét xử thấy rằng những tài liệu này là chứng cứ liên quan đến việc cho vay lãi nặng của bị cáo nên cần lưu trữ trong hồ sơ vụ án (Đã được đánh số bút lục và lưu trong hồ sơ vụ án).

Đối với các khoản vay của ông Trần Đăng Đường (Sinh năm 196x. Trú tại xóm LT, xã HS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An), ông Trần Đăng Tuyết (Sinh năm 197x. Trú tại xóm VĐ, xã HS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An), bà Nguyễn Thị Hoàn (Sinh năm 196x. Trú tại xóm LT, xã HS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An) do số tiền thu lợi bất chính của các khoản vay này dưới 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng và các khoản vay này đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên không xử lý.

Đối với khoản vay của anh Nguyễn Quang Hạ (Sinh năm 197x. Trú tại xóm LT, xã HS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An) do lãi suất mới chỉ vượt 3,6 lần so với quy định cho phép của Bộ luật dân sự (20%) vì vậy hành vi không cấu thành tội phạm.

Đối với Lê Văn T có hành vi chuyển tiền cho vay, nhận tiền gốc và lãi thông qua tài khoản ngân hàng của Lê Văn T nhưng trong quá trình thỏa thuận việc vay, lãi suất giữa Lê Văn H và các cá nhân vay tiền cũng như quá trình các cá nhân vay tiền gọi điện trả tiền gốc và lãi thì Lê Văn T đều không có tham gia, không biết. Việc Lê Văn T chuyển tiền và nhận tiền thông qua tài khoản ngân hàng của Tuấn chỉ được thực hiện khi Lê Văn H nhờ chuyển tiền và nhận tiền rồi báo lại cho Lê Văn H khi đã chuyển, nhận tiền. Do đó hành vi của Lê Văn T không cấu thành tội phạm.

Đối với Nguyễn Thị Ph có hành vi viết nội dung trả tiền vào giấy vay nợ và Nguyễn Thị H có hành vi viết hộ giấy vay nợ cho Lê Văn H nhưng không thể hiện thỏa thuận về lãi suất. Quá trình Lê Văn H thỏa thuận với người vay tiền, lãi suất và quá trình người vay trả tiền thì Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Thị H đều không có mặt mà chỉ được Lê Văn H nhờ viết sau khi đã thỏa thuận xong vì vậy hành vi của Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Thị H không cấu thành tội phạm.

[7] Về án phí: Bị cáo Lê Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H 09 (Chín) tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 14/9/2023.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo Lê Văn H.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu (hóa giá) sung ngân sách Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động Samsung Galaxy A34 5G.

- Trả lại cho ông Lê Văn T: 01 (Một) thẻ ngân hàng Vietcombank số 1015516341 mang tên Lê Văn T.

Đặc điểm, tình trạng vật chứng thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/11/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước từ bị cáo Lê Văn H số tiền cho vay gốc là 1.189.000.000đ (Một tỷ, một trăm tám mươi chín triệu đồng) và tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu từ

người vay là 31.503.653đ (Ba mươi mốt triệu, năm trăm linh ba nghìn, sáu trăm năm mươi ba đồng), tổng cộng là 1.220.503.653đ (Một tỷ, hai trăm hai mươi triệu, năm trăm linh ba nghìn, sáu trăm năm mươi ba đồng)

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Văn H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Cơ quan CSĐT-Công an huyện Đô Lương;
- Cơ quan THAHS-Công an huyện Đô Lương;
- Sở Tư pháp Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Hà